



ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 11

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Phát hành ngày 13/10/2026

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: H11.CK1.096

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong bài thực hành chuẩn độ dung dịch HCl bằng dung dịch NaOH, dụng cụ dùng để lấy chính xác thể tích dung dịch HCl cho vào bình tam giác là

- A. pipette B. buret C. ống đong D. cốc có mỏ

Câu 2. Trên phổ hồng ngoại, mỗi tín hiệu hấp thụ hiện ra dưới dạng

- A. Một vùng tô đậm kín cả phổ
B. Một vạch thẳng đứng không có bề rộng
C. Một đỉnh nhô lên khỏi trục hoành
D. Một đỉnh chúc xuống trên đường nền độ truyền qua

Câu 3. Cho dãy chất: C_4H_{10} , C_2H_2 , CH_3Cl , CH_3OH , CH_3COCH_3 . Số chất thuộc loại hydrocarbon là

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 1

Câu 4. Dung dịch HBr nồng độ 0,001 M có nồng độ ion H^+ bằng

- A. 3 M B. 10^{-3} M C. 10^{-7} M D. 10^{-11} M

PHẦN II. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 5. Làm đổ 196 g H_2SO_4 ra sàn. Tính khối lượng vôi sống CaO cần dùng để trung hoà hết lượng acid ấy.

Câu 6. Tính phần trăm khối lượng của hydrogen trong C_3H_6 (propylene) (làm tròn đến hàng phần mười).

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 7. Lấy 19,00 mL dung dịch H_2SO_4 có khối lượng riêng 1,84 g/mL và hàm lượng acid đúng 98,0% khối lượng. Pha loãng an toàn rồi định mức tới đúng 1,2 L dung dịch cuối; không mất acid. Cho $M_{H_2SO_4} = 98,0$ g/mol; không yêu cầu pH. Tính khối lượng acid tinh khiết, số mol và nồng độ mol cuối; nêu vì sao dùng thể tích định mức.

.....

.....

.....

Câu 8. Nung 6 mol $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$ tới khối lượng không đổi theo phương trình $2 \text{Pb}(\text{NO}_3)_2 \xrightarrow{t^\circ} 2 \text{PbO} + 4\text{NO}_2 + \text{O}_2$. Tính số mol khí O_2 thoát ra.

.....

.....

.....